TÒA ÁN NHÂN DÂN
Quận Thốt Nốt
TP. Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15.3.2018
"V/v tranh chấp: " Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông **Phan Việt Thắng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Hoàng Liệt**
2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ: Ông **Võ Long Hải** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt Thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2018/TLHNGĐ - ST, ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng Đ** - sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.
Bị đơn: Ông **Trần Văn D** - sinh năm 1989 (xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khu vực D, phường E, quận F, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

<u>Theo đơn khởi kiện ngày 14.12.2017, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Hồng Đ trình bày</u>:

Bà và ông D do quen biết rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới vào năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi sanh con vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh D không lo làm ăn ham mê cờ bạc và đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm và vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn Tiến – sinh ngày: 07.01.2016. Hiện nay hai con đang sống với ông D. Khi ly hôn bà nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho ông D, bà cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 31.01.2018, biên bản đối chất bị đơn ông Trần Văn D trình bày*:

Ông thống nhất với bà Đ về thời gian chung sống từ năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông nghi ngờ bà Đ có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng dẫn đến cự cãi, gây gỗ và ly thân được khoảng 01 tháng nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của bà Đ ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con tên Trần Văn T – sinh ngày: 07.01.2016. Hiện nay đang sống với ông. Nếu ly hôn thì ông yêu cầu nuôi dưỡng con và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay: bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình xin ly hôn với ông D; đồng ý nhường quyền nuôi con cho ông D và mỗi tháng bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.300.000đ/tháng, tính từ ngày 01/4/2018 đến khi cháu Tiến tròn 18 tuổi ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Tại phiên tòa hôm nay ông D yêu cầu được xét xử vắng mặt do bận đi làm xa. Chủ tọa công bố lời khai của ông D tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên toà của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: không công nhận bà Đ và ông D là vợ chồng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ cấp dưỡng nuôi con 1.300.000đ/tháng tính từ ngày 01.4.2018 đến khi cháu Tiến tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Việc ông Trần Văn D vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ đã có bản tự khai và ông có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D là phù hợp.

[2] *Phân tích đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa*:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Hồng Đ và ông Trần Văn D tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông D, ông D không đồng ý ly hôn. Xét bà Đ, ông D không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không thể xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đ, mà cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng mới phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: ông bà xác định có 01 con tên Trần Văn T – sinh ngày: 07.01.2016. Hiện nay đang sống với ông D. Nếu ly hôn thì bà Đ nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho ông D, tại phiên tòa bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.300.000đ/tháng tính từ ngày 01.4.2018 đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Phía ông D tại phiên đối chất ngày 31.01.2018 cũng đồng ý nuôi con nhưng không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng mà yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng đến khi con tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà Đ chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bà đồng ý cấp dưỡng 1.300.000đ/tháng. Hội đồng xét xử nghĩ số tiền cấp dưỡng theo quy định pháp luật là nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu tối thiểu cho đứa trẻ trong 01 tháng, hiện Nhà nước quy định mức lương tối thiểu là 1.300.000đ/tháng để đảm bảo mức sống tối thiểu của một người trong một tháng. Hội đồng xét xử nghĩ nên lấy mức lương tối thiểu để cấp dưỡng cho cháu là phù hợp nên mức yêu cầu cấp dưỡng của ông D là chưa phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông bà xác định không có.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng: bà Trần Thị Hồng Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Pháp lệnh về án phí, lệ phí toà án năm 2009;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ **Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận ông Trần Văn D và bà Trần Thị Hồng Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn T – sinh ngày: 07.01.2016 cho ông Trần Văn D nuôi dưỡng, bà Đ cấp dưỡng nuôi con 1.300.000đ/tháng. Cấp dưỡng từ ngày 01/4/2018 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Đ, không ai được quyền ngăn cản. Bà Đ, ông D về sau quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ **Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình**: bà Trần Thị Hồng Đ phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Tp. Cao Lãnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/003679 ngày 04.01.2018 (công nhận bà đã nộp xong).

Về án phí cấp dưỡng: bà Trần Thị Hồng Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Tp. Cao Lãnh.

3/ Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Việt Thắng